**MMPI**

**(Minnesota Multiphasic Personality Inventory)**

I. Hướng dẫn chung

**1. Mục đích:**

Trắc nghiệm nhằm khảo sát các đặc điểm nhân cách.

**2. Cách tiến hành:**

- Đưa người bệnh đọc lần lượt từng câu hỏi (có thể mỗi câu trình bày trong một phiếu riêng biệt) và yêu cầu họ lựa chọn 1 trong 3 đáp án trả lời: đúng (đồng ý); không đúng (không đồng ý) hoặc không rõ. Không khuyến khích người bệnh trả lời câu "không rõ".

**3- Xử lý kết quả:**

- Sau khi người bệnh làm xong, tính điểm thô cho từng thang đánh giá.

- Bổ sung điểm từ thang K cho các thang theo chỉ dẫn trên thiết đồ (Profile).

- Tuỳ theo giới tính mà từ điểm thô ban đầu được quy ra điểm chuẩn (T) và được biểu thị trên 10 thang lâm sàng, 3 thang phụ của thiết đồ nhân cách.

- Nối các thang phụ và thang lâm sàng thành 2 đường gấp khúc.

- Nếu điểm T ở trong giới hạn 50 ± 10 được coi là bình thường. Nếu T > 70 hoặc T < 30 thì được xem là có dấu hiệu bệnh lý.

- Phân tích theo 3 thang phụ (thang hiệu lực):

*+ Thang L - Nói dối:* nếu thang này tăng cao, có nghĩa là người bệnh trả lời không chân thành hoặc nhân cách còn non nớt.

+ *Thang F - Tin cậy:* thang này nói về độ tin cậy của các câu trả lời. Nếu F tăng quá cao, có thể đó là dấu hiệu của sự cố tình làm sai lệch kết quả hoặc không hiểu hết câu hỏi, song cũng có thể là dấu hiệu của một trạng thái loạn thần rõ rệt.

+ *Thang K - Điều chỉnh*: nhằm phát hiện khuynh hướng che dấu hoặc làm giảm nhẹ các triệu chứng loạn thần. Cũng có khi ngược lại, một khuynh hướng quá cởi mở.

Nếu thang F − K < 20, có nghĩa là kết quả trắc nghiệm đủ độ tin cậy. Trong lâm sàng tâm thần, thang F và K còn cung cấp nhiều thông tin bổ ích khác. Theo Bleykher (1986): nếu F − K < 20 có thể là khuynh hướng giảm bệnh, cố tạo cho mình sự thích ứng với xã hội xung quanh.

- Phân tích theo 10 thang lâm sàng:

+ *Thang Hs - Nghi bệnh (Hypochondriasis):* Thang này tăng cao chứng tỏ có nhiều phàn nàn về thực thể, muốn thu hút sự chú ý của người khác.

+ *Thang D - Trầm cảm (Depression).*

+ *Thang Hy - Phân ly (Hysteria).* thang tăng cao, nói đến một nhân cách dạng phân li, có khuynh hướng sử dụng những cơ chế tự vệ vô thức.

+ *Thang Pd - Biến đổi nhân cách (Personality Deviation):* liên quan đến những vấn đề về cảm xúc, xung động.

+ *Thang Mf - Giới tính (Masculinity / Femininity):* thể hiện các nét tính cách của đàn ông hoặc đàn bà.

+ *Thang Pa- Paranoia:* Khuynh hướng hình thành các ý tưởng quá đáng, thù dai.

+ *Thang Pt -* *Suy nhược tâm thần (Psychasthenia* ): liên quan đến mức độ lo âu.

+ *Thang Sc - Tâm thần phân liệt (Schizophrenia).* tính cứng nhắc của tư duy hoặc cảm xúc, nguội lạnh trong tình cảm và các mối quan hệ xã hội

+ *Thang Ma -* *Hưng cảm nhẹ (Hypomania):* Tính lạc quan, tích cực hoặc phủ định lo âu.

+ *Thang Si - Hướng nội xã hội (Social Introvension):* liên quan đến khuynh hướng hướng nội hay hướng ngoại trong tư duy và cảm xúc.

II. Tài liệu và dụng cụ cần thiết:

**1. Tài liệu:**

*a. Bộ câu hỏi MMPI*

1. Tôi thích đọc các tạp chí khoa học kỹ thuật thường thức.
2. Tôi ăn cảm thấy ngon miệng.
3. Buổi sáng ngủ dậy tôi cảm thấy sảng khoái và dễ chịu.
4. Tôi nghĩ rằng mình cũng thích công việc của nhân viên thư viện.
5. Tôi dễ tỉnh giấc khi có tiếng ồn.
6. Tôi thích đọc báo về tai nạn và tội phạm.
7. Tay chân tôi luôn luôn ấm áp.
8. Cuộc sống hàng ngày của tôi chứa đầy những công việc thích thú.
9. Lúc này tôi cũng có đủ khả năng làm việc như bất kỳ lúc nào.
10. Tôi thường có cảm giác nghẹn ở cổ.
11. Con người cần phải cố gắng để hiểu được những giấc mơ của mình, làm theo nó và tránh những điều rủi ro đã được báo trước.
12. Tôi thích những truyện trinh thám và bí ẩn.
13. Công việc làm tôi căng thẳng và mệt mỏi.
14. Hàng tháng tôi thường bị đi lỏng một đôi lần.
15. Đôi khi trong đầu tôi xuất hiện những ý nghĩ vớ vẩn mà tốt hơn hết là không kể cho ai nghe.
16. Số phận thật không may mắn đối với tôi.
17. Bố tôi là một người tốt.
18. Tôi ít khi bị táo bón.
19. Khi nhận công việc mới tôi cũng chẳng cần biết tôi muốn cái gì nữa.
20. Tôi thoả mãn với cuộc sống vợ chồng của mình.
21. Thỉnh thoảng tôi rất muốn đi khỏi nhà.
22. Thỉnh thoảng tôi khóc, cười đến nỗi chẳng có cách gì dừng được.
23. Tôi hay bị lợm giọng, buồn nôn và nôn.
24. Tôi có cảm giác rằng chẳng ai hiểu tôi cả.
25. Tôi cũng thích trở thành ca sỹ.
26. Tôi nghĩ rằng nếu bị đau khổ thì tốt nhất là im lặng.
27. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy u ám trong người.
28. Tôi cho rằng nếu ai gây đau khổ cho tôi thì tôi cũng sẽ làm cho họ như vậy.
29. Một vài lần trong tuần, tôi bị đau rát thực quản.
30. Thủa nhỏ có một vài lần tôi ăn cặp vặt.
31. Hai ba lần trong tuần, tôi mơ thấy những giấc mơ khủng khiếp.
32. Tôi không thể tập trung tư tưởng cho một công việc nào cả.
33. Có những lần, tôi thấy những cảm giác hết sức kỳ lạ.
34. Tôi hay bị ho.
35. Nếu như mọi người không cố tình chống lại tôi, chắc rằng tôi đã thành đạt hơn trong cuộc sống.
36. Tôi rất ít quan tâm đến sức khoẻ của mình.
37. Tôi không cảm thấy điều gì khó chịu trong đời sống tình dục của mình.
38. Thỉnh thoảng tôi rất muốn lau bàu chửi bới.
39. Đôi khi tôi có ý định đập phá tất cả có những gì có ở xung quanh.
40. Nhiều khi tôi cũng muốn ngồi và mơ mộng hơn là làm một việc gì đó.
41. Đã có những ngày, thậm chí hàng tuần liền, tôi không thể bắt mình làm được một việc gì cả.
42. Gia đình tôi không thích công việc mà tôi đang làm hoặc dự định làm.
43. Giấc ngủ của tôi chập chờn và đầy lo âu.
44. Tôi hay bị đau đầu.
45. Đôi khi tôi cũng nói dối.
46. Lúc này tôi có thể bàn luận về mọi việc tốt hơn trước đây.
47. Một đôi lần trong tuần, bất chợt tôi cảm thấy nóng ran khắp cơ thể mà không rõ nguyên nhân vì sao.
48. Khi ở giữa chỗ đông người, tôi thường nghe thấy những lời nói kỳ lạ.
49. Mọi việc sẽ tốt đẹp hơn nếu như luật pháp được thay đổi.
50. Thỉnh thoảng tâm hồn tôi tách khỏi thân xác.
51. Tình trạng sức khoẻ của tôi như của những người khác.
52. Khi gặp bạn thời phổ thông hoặc người quen đã lâu, tôi lặng thinh đi nếu như họ không chào tôi trước.
53. Tôi tin rằng có một số người chữa khỏi bệnh bằng bàn tay (ngoại cảm).
54. Phần lớn những người quen biết tôi đều quý mến tôi.
55. Tôi rất ít hoặc hầu như không bị đau tim, đau ngực.
56. Hồi còn nhỏ tôi đã bị đuổi học do tư cách đạo đức kém.
57. Tôi là người giao thiệp rộng.
58. Trên thế giới này chỉ xảy ra những điều phải xảy ra.
59. Tôi thường phải thực hiện mệnh lệnh của những người kém hiểu biết hơn mình.
60. Tôi thường bỏ qua các bài xã luận trên báo.
61. Tôi có cách sống khác mọi người.
62. Trên các phần cơ thể khác nhau, tôi thường cảm thấy hiện tượng ngứa ngáy, kiến bò, hoa mắt, lắc lư.
63. Tôi điều chỉnh đại tiện một cách dễ dàng, theo thời gian và tình huống xảy ra.
64. Thỉnh thoảng tôi giữ ý kiến của mình đến mức làm người khác hơi khó chịu.
65. Tôi yêu bố tôi.
66. Tôi nhìn thấy xung quanh mình đồ vật, người, động vật mà những người bên cạnh không nhìn thấy.
67. Tôi cũng muốn hạnh phúc như những người xung quanh.
68. Ít khi hoặc hầu như không bao giờ tôi đau cổ.
69. Bộ mặt của những người cùng giới rất hấp dẫn, cuốn hút tôi.
70. Nếu như tôi thích một người phụ nữ nào đó (hoặc đàn ông, nếu bạn là phụ nữ) tôi sẽ làm mọi cách để cô ta (anh ta) đoán được ra điều này.
71. Tôi nghĩ rằng nhiều người hay phóng đại nỗi bất hạnh của mình để nhận được sự thông cảm và giúp đỡ của người khác.
72. Một vài lần trong tuần, tôi có cảm giác khó chịu ở vùng thượng vị.
73. Tôi là một người quan trọng.
74. Tôi muốn trở thành phụ nữ (nếu là phụ nữ, tôi hài lòng vì mình là phụ nữ chứ không phải là đàn ông).
75. Cũng có lúc tôi nổi cáu.
76. Tôi thường cảm thấy buồn chán.
77. Tôi thích đọc những thứ nói về tình yêu.
78. Tôi thích thơ ca.
79. Người ta khó làm cho tôi xúc động.
80. Thỉnh thoảng tôi thích trêu chọc súc vật.
81. Tôi nghĩ rằng công việc của thợ trồng rừng cũng thú vị.
82. Tôi thường thua trong tranh luận.
83. Người nào muốn và có khả năng lao động chăm chỉ thì người đó có nhiều cơ hội để thành đạt.
84. Bây giờ tôi khó có hy vọng đạt được một điều gì đó trong cuộc sống.
85. Đôi khi những đồ vật của người khác (bút máy, bấm móng tay...) hấp dẫn tôi đến nỗi tôi tìm kiếm hoặc mua bằng được dù chúng không cần thiết đối với tôi.
86. Tôi kém tự tin (thiếu tin vào bản thân).
87. Tôi muốn trở thành người trồng hoa.
88. Thường tôi cho rằng cuộc sống đó là trò giả dối.
89. Cần phải có nhiều bằng chứng để thuyết phục mọi người tin vào chân lý nào đó.
90. Đôi khi những việc làm hôm nay tôi lại để đến ngày mai.
91. Nếu mọi người đùa cợt tôi, tôi cũng cảm thấy thoải mái.
92. Tôi cũng muốn trở thành y tá để chăm sóc người bệnh.
93. Tôi cho rằng đa số trong chúng ta đều có thể lừa dối để tiến nhanh trên nấc thang danh vọng.
94. Tôi thường làm những việc mà sau đó cảm thấy hối tiếc.
95. Tôi sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xã hội.
96. Tôi rất ít cãi nhau trong gia đình.
97. Thỉnh thoảng tôi rất muốn sỉ vả hoặc làm cho ai đó thất vọng.
98. Tôi rất tin tưởng ở kết cục khả quan của chính nghĩa.
99. Tôi rất thích những nơi ồn ào, vui vẻ.
100. Khi quyết định một vấn đề nào đó, tôi rất lúng túng không biết chọn cách giải quyết nào cho phù hợp
101. Tôi cho rằng trong sinh hoạt tình dục, phụ nữ cũng phải được tự do như nam giới.
102. Tôi cho rằng tự đấu tranh với bản thân là khó nhất.
103. Tôi rất ít hoặc hầu như không có các cơn co giật cơ.
104. Hầu như tôi thờ ơ với tất cả những gì sẽ xảy ra đối với mình.
105. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy không khoẻ khoắn, hay bực bội, cáu gắt.
106. Phần lớn thời gian tôi thấy mình làm gì cũng không theo ý muốn hoặc rất tồi tệ.
107. Phần lớn thời gian tôi hài lòng với cuộc sống.
108. Nhiều lúc những cảm giác lạ trong mũi và trong đầu làm tôi khó chịu.
109. Một số người rất thích làm chỉ huy khiến cho tôi có ý muốn làm ngược lại tất cả, mặc dù có thể họ đúng.
110. Hình như có ai đó rất thích thú khi làm cho tôi đau khổ.
111. Chẳng bao giờ tôi mạo hiểm để có được những cảm giác thú vị.
112. Tôi thường cho rằng mình phải có trách nhiệm với những lẽ phải.
113. Tôi cho rằng luật pháp phải được thực hiện trong cuộc sống.
114. Tôi thường có cảm giác như đầu mình bị một vành đai trói chặt.
115. Tôi tin rằng có thế giới bên kia.
116. Trong thi đấu thể thao, tôi thấy rất thích thú khi mình cầm cự được.
117. Phần lớn người ta thật thà chỉ vì sợ bị lừa.
118. Học ở trường phổ thông tôi đã có lần bị gọi lên ban giám hiệu vì nghịch ngợm.
119. Lời nói của tôi lúc này cũng như bất cứ lúc nào (không nhanh, không chậm, không khề khà, khó hiểu).
120. Khi ăn cơm khách tôi ăn từ tốn hơn ở nhà.
121. Hình như có ai đó đang tìm cách chống lại tôi.
122. Tôi có cảm giác rằng, so với những người xung quanh, tôi là người có khả năng và nhanh trí.
123. Tôi biết rằng người ta đang theo dõi tôi.
124. Tôi nghĩ rằng phần lớn người ta sẵn sàng hành động không đẹp khi có lợi.
125. Tôi rất lo lắng về dạ dày của mình.
126. Tôi rất thích nghệ thuật sân khấu kịch.
127. Tôi biết ai là người làm cho tôi khó chịu.
128. Tôi bình thản khi nhìn thấy máu.
129. Thường chính tôi cũng thấy ngạc nhiên, không hiểu tại sao mình lại giận dữ và cáu kỉnh đến thế.
130. Tôi không bao giờ bị ho hoặc nôn ra máu.
131. Tôi ít quan tâm đến khả năng mình bị mắc một bệnh nào đó.
132. Tôi thích chơi hoa và trồng cây cảnh trong nhà.
133. Trong sinh hoạt tình dục, tôi tránh những động tác không quen thuộc.
134. Thỉnh thoảng những ý nghĩ của tôi diễn ra nhanh hơn tôi nói.
135. Nếu không sợ phạt vi cảnh và chẹt xe thì tôi có thể rẽ qua đường phố bất cứ chỗ nào mà tôi muốn.
136. Tôi thích tìm hiểu những lý do thầm kín khiến ai đó đã làm điều tốt cho tôi.
137. Tôi cho rằng cuộc sống của gia đình tôi cũng hạnh phúc như bao gia đình khác.
138. Khi bị mọi người phê bình, mắng mỏ, tôi hết sức lúng túng.
139. Thỉnh thoảng tôi có cảm giác cần phải làm cho chính mình hoặc gây cho ai đó đau đớn.
140. Tôi thích công việc nội trợ.
141. Tác phong sinh hoạt của tôi thường phụ thuộc vào thói quen của những người xung quanh.
142. Thỉnh thoảng tôi tỏ ra hoàn toàn bất cần.
143. Bạn bè thủa nhỏ của tôi là những người luôn sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau, mọi lúc, mọi nơi.
144. Tôi muốn trở thành người lính.
145. Thỉnh thoảng tay chân tôi ngứa ngáy muốn đánh nhau với ai đó.
146. Tôi thích thay đổi chỗ ở và thấy sung sướng khi được đi lang thang, du lịch đây đó.
147. Tôi thường không gặp may chỉ vì không quyết đoán kịp thời.
148. Tôi rất khó chịu khi đang tập trung vào một công việc nào đó thì lại có người làm phân tán chú ý của mình.
149. Trước đây tôi vẫn thường ghi nhật ký.
150. Trong thi đấu, tôi chỉ thích chiến thắng.
151. Có ai đó đang có ý định đầu độc tôi.
152. Thường thường, tôi ngủ rất ngon lành, chẳng có ý nghĩ nào làm cho tôi lo lắng.
153. Trong những năm gần đây, phần lớn thời gian tôi cảm thấy khoẻ mạnh.
154. Chẳng bao giờ tôi bị lên cơn co giật cả.
155. Bây giờ cân nặng của tôi không thay đổi (không béo lên cũng không gầy đi).
156. Thỉnh thoảng tôi quên là trước đó mình đã làm gì.
157. Tôi cho rằng người ta hay phạt oan tôi.
158. Tôi rất mau nước mắt.
159. Tôi cảm thấy mình hiểu những nội dung đã đọc kém hơn trước đây.
160. Bây giờ tôi thấy khoan khoái hơn bất kỳ lúc nào.
161. Xúc giác vùng đỉnh đầu tôi rất nhạy cảm.
162. Tôi rất tự ái khi thấy ai đó cứ quanh co để tìm cách có lợi cho mình.
163. Tôi ít bị mệt mỏi.
164. Tôi thích nghiên cứu một cách chi tiết những gì tôi đang đọc, đang học.
165. Tôi cảm thấy dễ chịu khi có những người uy tín trong số người quen của mình và dường như điều đó làm cho tôi sáng suốt hơn.
166. Tôi rất sợ nhìn từ trên cao xuống.
167. Tôi khó chịu khi người thân của mình phạm pháp.
168. Có điều gì đó bất ổn đang xảy ra đối với lý trí của tôi.
169. Tôi không sợ những công việc có liên quan đến tiền nong.
170. Tôi không quan tâm đến việc người ta nghĩ thế nào về tôi.
171. Trong nhóm bạn, tôi đùa tếu không được khéo léo lắm, mặc dù người khác cũng đùa như vậy.
172. Tôi thường phải đấu tranh với bản thân để không tỏ ra rụt rè.
173. Tôi yêu trường học của mình.
174. Tôi ít bị ngất (hoặc hoàn toàn không bị ngất).
175. Tôi ít bị (hoặc hoàn toàn không bị) cơn chóng mặt.
176. Tôi ít sợ hãi khi nhìn thấy rắn.
177. Mẹ của tôi là người phụ nữ tốt.
178. Tôi nghĩ rằng trí nhớ của mình ổn cả.
179. Tôi lo lắng về vấn đề tình dục.
180. Tôi rất lúng túng khi nói chuyện với người mới quen.
181. Khi buồn, tôi cố tình tìm cách phá tan nỗi buồn đó.
182. Tôi sợ bị loạn trí.
183. Tôi phản đối việc bố thí cho những người ăn mày.
184. Tôi thường nghe thấy những giọng nói khó hiểu từ đâu vọng tới.
185. Tôi nghĩ rằng thị lực của tôi cũng như mọi người.
186. Khi định làm một việc gì đó, tôi thấy tay mình hơi run run.
187. Đôi tay tôi vẫn nhanh nhẹn, khéo léo như trước đây.
188. Tôi có thể đọc sách rất lâu mà không mỏi mắt.
189. Phần lớn thời gian, tôi cảm thấy toàn thân mệt mỏi.
190. Tôi rất ít bị đau đầu.
191. Thỉnh thoảng, khi tức giận, mồ hôi vã ra và điều này làm tôi bứt rứt khó chịu.
192. Tôi luôn luôn giữ thăng bằng khi đi.
193. Chẳng bao giờ tôi lên cơn hen hoặc sốt do dị ứng phấn hoa.
194. Tôi đã có những cơn không làm chủ được lời nói, cử động của mình, nhưng lúc đó tôi vẫn biết cái gì đang diễn ra ở xung quanh.
195. Trong số những người quen, có những người mà tôi không thích.
196. Tôi rất thích đi đến những chỗ mà trước đây tôi chưa đến.
197. Có ai đó định làm nhục tôi.
198. Ban ngày ít khi tôi buồn ngủ.
199. Cần phải giáo dục cho trẻ em những vấn đề cơ bản của tình dục.
200. Có những người định ăn cắp ý nghĩ và tư tưởng của tôi.
201. Tôi muốn bạo dạn hơn.
202. Tôi nghĩ rằng, tôi là người thất vọng.
203. Nếu là phóng viên báo chí, tôi rất thích đưa tin về sân khấu.
204. Tôi muốn trở thành nhà báo.
205. Đã có lúc tôi không tự chủ mình được nên đã ăn cắp đồ vật, dù là của ai, dù bất kỳ ở đâu, ví dụ như ở cửa hiệu.
206. Tôi là một người mê tín.
207. Tôi thích các trò chơi giải trí khác nhau.
208. Tôi rất thích tán tỉnh phụ nữ (nếu là nữ, làm duyên với nam giới).
209. Tôi tin rằng tất cả tội lỗi của tôi đều không thể tha thứ được.
210. Tôi cảm thấy tất cả thức ăn đều có cùng một mùi vị.
211. Tôi chỉ ngủ được ban ngày, còn ban đêm thì không.
212. Người thân đối xử với tôi như một đứa trẻ con.
213. Khi sang đường, tôi đi đúng theo chỗ quy định.
214. Trên da tôi chưa hề có một nốt ban nào đáng lo lắng cả.
215. Tôi nghiện rượu.
216. So với những gia đình khác, gia đình tôi rất ít tình thương yêu ấm áp.
217. Tôi thường lo lắng về một vấn đề gì đó.
218. Tôi rất bình tĩnh khi nhìn thấy con vật đang quằn quại trong đau đớn.
219. Tôi nghĩ rằng, mình thích những công việc hành chính, quản lý kinh tế quan trọng.
220. Tôi yêu mẹ tôi.
221. Tôi thích khoa học.
222. Tôi rất hay nhờ vả người khác, thậm chí cả khi biết rằng mình không thể giúp lại họ cách tương xứng.
223. Tôi thích đi săn.
224. Bố mẹ tôi thường không thích các bạn bè của tôi.
225. Đôi khi tôi cũng thêu dệt thêm câu chuyện.
226. Thói quen của một số người trong gia đình làm tôi khó chịu.
227. Người ta nói với tôi rằng tôi hay đi đi lại lại trong khi ngủ.
228. Thỉnh thoảng tôi có cảm giác là mình có thể làm được điều gì đó dễ dàng một cách lạ thường.
229. Tôi muốn là thành viên của một vài câu lạc bộ hoặc tổ chức xã hội.
230. Tôi ít khi bị khó thở nên tim cũng không bị thổn thức bao giờ.
231. Tôi thích nói về vấn đề tình dục.
232. Cả cuộc đời tôi luôn tuân theo những nguyên tắc trách nhiệm và bổn phận.
233. Cũng đã có lần, tôi ngăn cản công việc của người khác không phải vì gây khó dễ, mà chỉ vì nguyên tắc.
234. Tôi dễ dàng nổi cáu nhưng cũng nhanh chóng nguôi đi.
235. Tôi luôn là người tự do, không bị gia đình giám sát.
236. Tôi thường đắm mình trong những suy tư sầu não.
237. Hầu như tất cả những người thân đều cởi mở với tôi.
238. Có những lúc tôi bứt rứt khó chịu đến nỗi không thể ngồi yên được.
239. Tôi đã bị thất vọng trong tình yêu.
240. Tôi không quan tâm nhiều đến hình dạng bên ngoài của mình.
241. Tôi thường gặp những giấc mơ mà tôi không muốn kể cho ai nghe.
242. Tôi nghĩ rằng thần kinh của tôi cũng như của mọi người (không tồi hơn).
243. Tôi rất ít bị đau ốm (hoặc chẳng bao giờ bị đau ốm).
244. Người ta hiểu không đúng về những hành động thường ngày của tôi.
245. Bố mẹ tôi và những người trong gia đình đòi hỏi ở tôi quá nhiều.
246. Trên cổ tôi hay xuất hiện những nốt ban đỏ.
247. Tôi luôn luôn có căn cứ để ghen tị với người trong gia đình.
248. Đôi khi tôi thấy phấn khích không rõ lý do, thậm chí cả khi công việc không được trôi chảy.
249. Tôi tin rằng trên đời vẫn có “ác giả, ác báo”.
250. Không nên lên án những người luôn tìm mọi cách thu vén cá nhân.
251. Đã có lúc hành động của tôi bị gián đoạn mà tôi không hiểu điều gì đã xảy ra.
252. Mọi người thờ ơ và lãnh đạm đối với những gì đang xảy ra với người khác.
253. Tôi có thể thân thiện cả với những người mà tôi không tán thành những hành động của họ.
254. Tôi thích tham gia vào đám đông náo nhiệt, trêu đùa lẫn nhau.
255. Đã có những lúc, khi thảo luận một vấn đề, tôi dễ dàng đồng ý ngay với ý kiến của người khác, mà chẳng nghĩ ngợi gì.
256. Trang báo thích thú duy nhất đó là trang “Câu lạc bộ” (truyện cười).
257. Khi nhận công việc gì đó tôi luôn luôn dự kiến sẽ đạt kết quả tốt.
258. Tôi cho rằng không có thần thánh.
259. Cái khó nhất đối với tôi trong công việc là sự bắt đầu (vạn sự khởi đầu nan).
260. ở trường phổ thông tôi tiếp thu kiến thức chậm hơn các bạn khác.
261. Nếu là hoạ sĩ, tôi sẽ vẽ hoa.
262. Tôi hài lòng về hình dạng bên ngoài của mình.
263. Tôi rất dễ đổ mồ hôi, thậm chí cả vào lúc trời mát mẻ.
264. Tôi hoàn toàn tự tin ở mình.
265. Tốt nhất là đừng tin ai.
266. Vài lần trong tuần tôi rất dễ bực bội.
267. Trước đám đông bạn bè, tôi rất lúng túng tìm câu chuyện cho phù hợp.
268. Tôi rất nhanh hết buồn phiền bởi vì luôn tìm được những điều thích thú để giải khuây.
269. Tôi dễ dàng làm cho mọi người sợ tôi và đôi khi tôi làm như vậy chỉ để đùa.
270. Tôi ra khỏi nhà một cách bình thản, không hề quan tâm xem cửa đã khoá chưa, điện đã tắt chưa v.v...
271. Không nên thương xót kẻ đi đánh lừa người khác rồi bị cho người ta lừa lại.
272. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy sức lực của mình sung mãn.
273. Da của tôi đôi chỗ bị mất cảm giác.
274. Thị lực của tôi vẫn bình thường như những năm gần đây.
275. Có ai đó đang điều khiển những ý nghĩ của tôi.
276. Tôi thích trẻ con.
277. Đôi khi sự khéo léo của kẻ cắp đã làm cho tôi thích thú đến nỗi chỉ mong cho hắn gặp may.
278. Thỉnh thoảng tôi nhận thấy những người đi đường nhìn tôi chằm chằm.
279. Hàng ngày tôi uống rất nhiều nước.
280. Người ta làm quen với nhau chỉ với lý do “giàu vì bạn”.
281. ít khi tôi bị ù tai.
282. Đôi khi tôi căm giận những người trong gia đình mà tôi hằng yêu mến.
283. Nếu là phóng viên, tôi rất thích đưa tin về thể thao.
284. Tôi tin rằng người ta nói sau lưng tôi.
285. Đôi khi tôi cũng cười đùa thô tục.
286. Tôi cảm thấy rất hạnh phúc khi ngồi một mình.
287. Tôi ít lo lắng và sợ hãi hơn các bạn tôi.
288. Tôi thường buồn nôn và nôn mửa.
289. Mỗi lần nghe tin bọn tội phạm không bị trừng phạt là tôi rất tức giận.
290. Công việc làm tôi căng thẳng quá mức.
291. Trong cuộc đời một đôi lần tôi đã phải làm theo phép thôi miên của người khác.
292. Tôi rất thích bắt chuyện với người khác.
293. Có ai đó định tác động đến ý nghĩ của tôi.
294. Chưa có một lần nào tôi phải chạm trán với pháp luật.
295. Tôi thích các câu chuyện cổ tích.
296. Đôi khi tôi cảm thấy vui vẻ lạ thường mặc dù không có lý do nào cả
297. Đôi khi tôi rất chán chường đối với những ý nghĩ về tình dục.
298. Khi có chuyện rắc rối giữa một vài người thì tốt nhất là họ nên hoà giải với nhau, sau đó mới tính đến chuyện khác.
299. Tôi cho rằng tôi có linh cảm về mọi thứ tốt hơn người khác.
300. Tôi luôn luôn thờ ơ với búp bê.
301. Cuộc đời tôi hầu như lúc nào cũng căng thẳng.
302. Tôi không cảm thấy khó chịu do những hành vi tình dục của mình.
303. Có một vài thứ mà tôi khó nói về chúng.
304. ở trường phổ thông, tôi rất vất vả khi đứng nói trước lớp.
305. Thậm chí giữa đám đông tôi vẫn cảm thấy mình cô đơn.
306. Mọi người thể hiện tình cảm với tôi đúng như tôi đã đối xử với họ.
307. Tôi từ chối tham gia một số trò chơi mà tôi không thông thạo.
308. Thỉnh thoảng tôi rất muốn bỏ nhà ra đi.
309. Tôi nghĩ rằng tôi hoà nhập vào bạn bè cũng dễ dàng như người khác.
310. Tôi thoả mãn với những sinh hoạt tình dục của mình.
311. Thời nhỏ tôi đã một vài lần ăn cắp vặt.
312. Tôi thấy khó chịu khi mọi người vây quanh tôi.
313. Người nào dụ dỗ người khác để xem đồ vật quý thì họ cũng có lỗi như người ăn trộm đồ vật quý đó.
314. Đôi khi trong đầu tôi xuất hiện những ý nghĩ xấu và tôi cho rằng tốt nhất là không nên để cho ai biết.
315. Rõ ràng số phận không mỉm cười đối với tôi.
316. Tôi nghĩ rằng hầu như người nào cũng có thể lừa dối để tránh sự phiền toái.
317. Tôi nhạy cảm hơn mọi người.
318. Cuộc đời tôi tràn đầy những công việc mà tôi yêu thích.
319. Phần lớn mọi người trong thâm tâm không thích giúp đỡ người khác.
320. Tôi thường nằm mơ về sinh hoạt tình dục.
321. Tôi rất dễ bị e thẹn, ngượng ngùng.
322. Tôi có những khó khăn về tiền nong và công việc.
323. Trước đây tôi hay có tâm trạng lo âu thất thường.
324. Chưa khi nào tôi được yêu.
325. Một vài người trong gia đình tôi có nhữmg hành động làm tôi sợ hãi.
326. Thỉnh thoảng tôi cười, khóc đến nỗi không cầm được.
327. Bố mẹ tôi thường bắt tôi tuân theo cả những điều mà tôi cho là vô nghĩa.
328. Tôi không tập trung tư tưởng cho một công việc gì cả.
329. Tôi ít khi mộng mị.
330. Tôi chưa bị liệt bao giờ, kể cả suy nhược cơ bắp.
331. Nếu như mọi người không ngăn cản thì tôi đã thành đạt trong cuộc đời.
332. Thỉnh thoảng tôi bị rụng tóc mặc dù không bị ốm.
333. Tôi có cảm giác là chẳng ai hiểu tôi cả.
334. Thỉnh thoảng tôi ngửi thấy mùi khó chịu.
335. Tôi cảm thấy rất khó tập trung tư tưởng cho một công việc.
336. Tôi dễ bị mất kiên nhẫn.
337. Tôi hầu như luôn luôn lo lắng về một cái gì đó hoặc về một ai đó.
338. Người ta phải chăm sóc và lo lắng cho tôi nhiều hơn người khác.
339. Tôi thường muốn chết.
340. Thỉnh thoảng tôi phấn khích đến mức trằn trọc khó ngủ.
341. Thỉnh thoảng tai tôi nghe thính đến nỗi làm cho tôi khó chịu.
342. Tôi thường quên ngay những điều mà người khác vừa mới nói với tôi.
343. Trước khi làm một việc gì, kể cả việc nhỏ nhặt tôi cũng thường đắn đo suy nghĩ.
344. Tôi thường sang qua đường để tránh gặp mặt người khác.
345. Tôi thường có cảm giác dường như mọi thứ xung quanh đều phi lý.
346. Tôi có thói quen hay đếm đồ vật xung quanh: cửa sổ, cột điện, xe cộ qua đường...
347. Tôi không có kẻ thù thực sự.
348. Tôi thường dè dặt với những người tỏ ra khá thân mật đối với tôi (hơn sự mong đợi của tôi).
349. Tôi thường có những ý nghĩ kỳ dị.
350. Tôi thường nghe thấy có những điều kỳ lạ mặc dù xung quanh không có một ai.
351. Nếu như buộc phải rời khỏi nhà trong một thời gian ngắn tôi vẫn cảm thấy xao xuyến trong lòng.
352. Có những đồ vật, có những người mà tôi rất ngại tiếp xúc mặc dù tôi biết họ chẳng đe doạ gì tôi.
353. Tôi chẳng sợ sệt gì khi bước vào phòng đông người đang nói chuyện với nhau.
354. Tôi sợ phải sử dụng các dụng cụ sắc, nhọn.
355. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy thú vị khi gây đau khổ cho người tôi yêu quý.
356. Tôi tập trung tư tưởng khó hơn những người khác.
357. Đã có lúc tôi bỏ dở công việc giữa chừng vì sợ mình không hoàn thành được.
358. Có những lúc trong đầu tôi xuất hiện những lời nói ác ý, thậm chí những lời nói kinh khủng mà tôi không thể nào thoát ra được.
359. Đôi khi những ý nghĩ vớ vẩn làm tôi băn khoăn trong vài ngày liền.
360. Hầu như mỗi ngày lại xảy ra một chuyện gì đó làm cho tôi sợ hãi.
361. Tôi ủng hộ cách giải quyết công việc hợp tình.
362. Tôi nhậy cảm hơn nhiều người khác.
363. Đã có lúc tôi cảm thấy thú vị khi gây đau đớn cho người tôi yêu quý.
364. Người ta lăng mạ, làm nhục tôi.
365. Khi ở trong phòng tôi cảm thấy lo lắng bồn chồn.
366. Thậm chí đứng giữa đám đông tôi vẫn cảm thấy cô đơn.
367. Tôi không sợ lửa.
368. Tôi luôn cố tránh xa mọi người để không làm điều gì thất thố mà sau đó phải hối tiếc.
369. Tôi thờ ơ với những vấn đề về tôn giáo.
370. Tôi rất ghét khi phải vội vã trong công việc.
371. Tôi không quá nhút nhát, rụt rè.
372. Thường thường cùng một lúc tôi có nhiều trò giải trí, nhưng cũng có lúc trong một thời gian dài tôi chỉ vẩn vơ với một trò vui không phù hợp với mình.
373. Tôi tin rằng chỉ tồn tại một ý nghĩa duy nhất đúng về cuộc sống.
374. Thỉnh thoảng tôi cảm thấy đầu óc mình mụ mẫm đi.
375. Lúc tôi đang cảm thấy hạnh phúc và đầy sức lực mà gặp một ai có bộ mặt thiểu não, tâm trạng buồn bã thì lập tức những điều đó bị tan biến ngay.
376. Những nhà phê bình thường là người thật thà.
377. Khi đi học tôi thường ngồi ở chỗ kín hoặc chỉ nói chuyện với một người.
378. Theo tôi phụ nữ hút thuốc lá là điều không tốt.
379. Hiếm khi tôi có tâm trạng u buồn.
380. Nếu có ai ăn nói lộn xộn, không lịch sự thì tôi cố gắng giải thích cho họ biết.
381. Người ta nói rằng tôi là người hay mất bình tĩnh.
382. Tôi muốn tránh tự dằn vặt vì những lời nói của mình làm cho ai đó giận dỗi.
383. Mọi người hay làm cho tôi thất vọng.
384. Tôi cho rằng không thể kể tất cả về mình cho bất kỳ ai.
385. Tôi sợ chết.
386. Tôi rất thoải mái khi mọi người đoán được ý định tiếp tục làm việc của tôi.
387. Tất cả những điều “kỳ diệu” mà tôi biết được là hết sức đơn giản: một số người đã đánh lừa người khác, tất cả chỉ có thế !
388. Tôi rất sợ đứng một mình trong bóng tối.
389. Nhữmg dự định của tôi khó thực hiện đến nỗi tôi chỉ muốn từ bỏ chúng.
390. Tôi thường cảm thấy khó chịu khi chỉ cho người khác tránh lỗi lầm nhưng họ lại hiểu sai về tôi.
391. Tôi rất thích đến các sàn nhẩy.
392. Tôi rất sợ rắn.
393. Cần phải đánh những con ngựa bất kham.
394. Tôi thường hỏi ý kiến của người khác.
395. Nếu thấy tương lai mù mịt mà lại xây dựng kế hoạch nghiêm túc về nó thì thật là vô nghĩa.
396. Khi mọi việc đối với tôi đều trôi chảy, tôi vẫn cảm thấy thờ ơ.
397. Đôi khi tôi cảm thấy khó khăn cứ chồng chất, không thể nào vượt qua được.
398. Tôi thường nghĩ rằng “thật là tốt nếu được trở lại thời thơ ấu”.
399. Tôi không cho phép mình dễ dàng nổi nóng.
400. Nếu như người ta cho tôi cơ hội tốt thì tôi có đã có thể làm được những việc có lợi cho nhân loại.
401. Tôi không sợ nước.
402. Khi phải quyết định một vài vấn đề gì, tôi thường hoãn đến ngày hôm sau.
403. Thật là tuyệt vời khi sống trong thời đại của chúng ta - thời đại có rất nhiều sự kiện khác nhau.
404. Khi tôi chỉ cho mọi người thấy sai lầm hoặc giúp đỡ họ thì họ lại hiểu sai về tôi.
405. Tôi không bị nghẹn khi nuốt.
406. Tôi đã gặp những người được coi là “siêu” trong nghề nghiệp của mình nhưng thực chất họ hiểu biết không hơn tôi.
407. Thường thường tôi là người bình thản và khó có ai làm cho tôi thay đổi trạng thái tinh thần ổn định.
408. Tôi có thể giấu diếm ý nghĩ của mình về một số vấn đề đến mức mà khi người ta làm cho tôi phật lòng, họ vẫn không đoán được điều đó.
409. Thỉnh thoảng tôi quá mệt mỏi vì đã nhận quá nhiều công việc.
410. Lừa được kẻ hay đi lừa người khác bằng chính mẹo lừa của hắn có lẽ sẽ làm cho tôi thích thú.
411. Khi nghe được sự thành đạt của người quen, tôi bắt đầu có cảm giác mình là kẻ không may mắn.
412. Khi bị bệnh hoặc bị gẫy xương, tôi tìm ngay đến bác sỹ.
413. Tôi bị trừng phạt nghiêm khắc vì những tội lỗi của mình.
414. Đặc điểm của tôi là quá phiền muộn vì những thất vọng của mình.
415. Nếu như người ta cho tôi cơ hội tốt thì tôi đã có thể lãnh đạo mọi người một cách suôn sẻ.
416. Thật là khó chịu khi có ai đó theo dõi tôi làm việc, kể cả lúc tôi làm tốt.
417. Trong khi xếp hàng nếu như có ai đó lộn xộn định vượt lên trước tôi, thì tôi sẽ bực tức và mắng họ.
418. Thỉnh thoảng tôi có cảm tưởng rằng mình chẳng phù hợp với công việc nào cả.
419. Hồi còn học sinh tôi thường trốn học.
420. Trước đây tôi có những lo âu bí ẩn lạ thường.
421. Trong gia đình tôi mọi người thường có những tính khí thất thường.
422. Tôi cảm thấy gò bó khi phải làm công việc của người khác trong gia đình.
423. Tôi rất thích câu cá.
424. Hầu như lúc nào tôi cũng cảm thấy đói.
425. Tôi thường mộng mị.
426. Thỉnh thoảng tôi buộc phải cư sử một cách gay gắt với những người thô bạo và hay gây phiền nhiễu.
427. Tôi thường khó chịu khi nghe những câu chuyện không tế nhị.
428. Tôi thích nghe bình luận chính trị.
429. Tôi thích nghe những bài giảng về các chủ đề nghiêm túc.
430. Tôi thích ngắm nghía khuôn mặt của người khác giới.
431. Tôi rất lo lắng về những nỗi bất hạnh có thể xảy ra.
432. Quan điểm và lập trường của tôi không dao động.
433. Đã có lúc tôi tưởng tượng ra bạn bè.
434. Tôi muốn trở thành tay đua xe đạp.
435. Tôi thích làm việc với phụ nữ hơn.
436. Thường là người ta yêu cầu người khác tôn trọng quy định của mình còn bản thân mình lại không muốn tôn trọng quy định của người khác.
437. Tôi cho rằng khi vi phạm pháp luật có thể tìm mánh khoé để thoát thân.
438. Có những người tôi ghét đến mức độ vui sướng hẳn lên khi họ bị chửi mắng về một lẽ gì đó.
439. Chờ đợi làm cho tôi căng thẳng thần kinh.
440. Tôi thường cố nhớ những câu chuyện lý thú để sau này kể lại cho người khác.
441. Tôi thích những phụ nữ cao.
442. Đã có những thời kỳ tôi mất ngủ do hồi hộp.
443. Tôi từ bỏ công việc đã định nếu như khi bắt đầu làm mà mọi người cho rằng tôi không có khả năng thực hiện.
444. Tôi tránh góp ý cho những người nói năng bất lịch sự.
445. Thời trẻ tôi thích những tin tức giật gân.
446. Tôi thích trò đỏ đen, sát phạt nhau chút ít .
447. Để thắng cuộc trong tranh cãi, tôi thường phải chuẩn bị rất nhiều.
448. Mọi người nhìn tôi lúc đi đường, trong cửa hàng hoặc trên xe ô tô làm cho tôi căng thẳng khó chịu.
449. Tôi tham gia các hoạt động xã hội để có điều kiện tiếp xúc với nhiều người.
450. Tôi thích gây hồi hộp cho đám đông đang hưng phấn.
451. Hình như mọi cố gắng của tôi đều tan biến khi vào một đám đông đang vui vẻ.
452. Tôi thích đùa với mọi người.
453. Thời niên thiếu, tôi không thích tham gia vào bất kỳ tổ chức nào của nhà trường, hoặc đường phố (xóm, xã...).
454. Có lẽ tôi sẽ hoàn toàn hạnh phúc nếu sống biệt lập ở một ngôi nhà trên núi hoặc trong rừng.
455. Thường tôi không hoà nhập vào câu chuyện của những người xung quanh.
456. Mọi người cần phải tha thứ cho sự vi phạm những điều luật chưa chặt chẽ.
457. Tôi cho rằng con người không những phải từ bỏ uống rượu mà cả nếm rượu.
458. Người đàn ông (bố, ông nội hoặc người khác) đã dạy dỗ tôi thời trẻ là người rất nghiêm khắc .
459. Tôi có một vài tật xấu không bỏ được.
460. Tôi uống rượu với số lượng vừa phải.
461. Tôi không thể bỏ trễ công việc đã nhận dù chỉ một thời gian ngắn.
462. Tiểu tiện của tôi bình thường, khi cần thiết tôi có thể nhịn được.
463. Thời nhỏ, tôi thích trò chơi máy bay, ô ăn quan...
464. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ma.
465. Trong đời, tôi đã thay đổi quan điểm về nghề nghiệp vài lần.
466. Tôi chỉ uống thuốc (hoặc thuốc ngủ) theo sự chỉ dẫn của bác sỹ.
467. Tôi thường nhớ những số chẳng có ý nghĩa gì cả (số xe máy, xe ô tô...).
468. Chính tôi cũng thường buồn bã vì mình là người hay cáu gắt.
469. Tôi thường gặp những người hay ghen tức với ý nghĩ thành đạt của tôi chỉ vì họ không nghĩ ra được.
470. Tất cả những gì có liên quan với tình dục đều gây cho tôi cảm giác kinh tởm.
471. Điểm hạnh kiểm của tôi thời học sinh thường là điểm xấu.
472. Tôi thích ngắm nghía ngọn lửa.
473. Tôi cố gắng tránh những nơi đông người.
474. Tôi đi tiểu tiện cũng không nhiều hơn người khác.
475. Khi bị phạt đứng tường, tôi cũng chỉ nói một phần sự thật không gây nguy hại cho mình.
476. Tôi được gọi đi làm một sứ mạng vĩ đại.
477. Nếu như tôi bị lâm nguy cùng với bạn bè mà họ cũng có lỗi như tôi thì tôi nhận lỗi về mình chứ không từ chối.
478. Những sự phiền toái của người trong gia đình ít làm tôi lo lắng.
479. Tôi sẵn sàng làm quen với bạn bè mới.
480. Bóng đêm thường làm tôi sợ hãi.
481. Cũng có khi tôi đi nằm viện (nghỉ ốm) để tách ra khỏi một công chuyện nào đó, mặc dù tôi không bị ốm.
482. Trên tàu, ô tô, tôi thường nói chuyện với người không quen biết.
483. Tôi tin vào điều kỳ diệu.
484. Tôi có một vài khuyết tật mà tôi cho rằng cần phải bằng lòng với nó, song cần tránh biểu lộ ra ngoài hơn là phải tìm cách chữa chạy.
485. Khi đàn ông rơi vào thế giới đàn bà thì ý nghĩ của anh ta sẽ hướng vào giới nữ.
486. Tôi chưa bao giờ thấy máu trong nước tiểu của mình.
487. Nếu như công việc không trôi chảy thì tôi muốn quẳng đi tất cả.
488. Khi bị thất bại, lâm nguy, tôi thường cầu cứu chi viện.
489. Tôi đồng cảm với những người bị đau khổ.
490. Tôi thích đọc những bài báo nói về đạo đức.
491. Tôi khó chịu với những người cho rằng chỉ tồn tại duy nhất một ý nghĩa chân chính về cuộc sống.
492. ý nghĩ về khả năng xảy ra động đất làm cho tôi sợ hãi.
493. Tôi thích những công việc cần sự chú ý cao hơn những công việc khác.
494. Tôi sợ phải ngồi trong buồng nhỏ và kín.
495. Tôi cởi mở với những người mà tôi đang uốn nắn họ.
496. Tôi chưa khi nào bị chứng nhìn một thành hai.
497. Tôi thích những câu chuyện ly kỳ.
498. Là một người cởi mở - đó là điều tốt.
499. Thỉnh thoảng tôi lo lắng chỉ vì những cái vớ vẩn.
500. Tôi dễ bị lôi cuốn bởi những tư tưởng tốt.
501. Tôi thích làm theo kế hoạch của mình hơn là theo sự chỉ giáo của người khác.
502. Tôi thích để mọi người biết quan điểm của mình.
503. Tôi tránh biểu lộ cảm xúc tán thành hay phản đối hành động của những người xung quanh.
504. Tôi ít có ý định giấu giếm thành kiến xấu, hoặc thái độ coi thường ai đó.
505. Có những thời kỳ tôi cảm thấy hoàn toàn khoẻ mạnh và có thể thức trắng một vài đêm.
506. Tôi là một người tính khí bất thường và dễ nổi cáu.
507. Tôi đã phải làm việc dưới quyền của những thủ trưởng “khôn khéo” nhận thành tích về mình, đẩy khuyết điểm cho nhân viên.
508. Tôi cho rằng khứu giác của tôi cũng như những người khác.
509. Đôi khi chỉ vì quá kín đáo mà tôi khó đạt được quyền lợi của mình.
510. Bất kỳ sự bẩn thỉu nào cũng gây cho tôi cảm giác kinh tởm.
511. Tôi có một thế giới tưởng tượng riêng của mình, không thể kể cho người khác biết được.
512. Tôi không thích tắm rửa.
513. Tôi thích làm việc với những thủ trưởng mở rộng quyền tự chủ cho cấp dưới hơn là những thủ trưởng hay ra mệnh lệnh cứng nhắc và cụ thể.
514. Tôi thích những phụ nữ có các nét của nam giới.
515. Trong nhà tôi đầy đủ mọi tiện nghi.
516. Trong nhà tôi có một vài người có tính cách thất thường (dễ nổi cáu).
517. Mọi việc của tôi diễn ra tương đối tồi tệ, không như dự kiến.
518. Tôi thường ân hận khi tỏ ra thông cảm quá mức so với nỗi đau khổ thực tế của người khác.
519. Có cái gì đó trục trặc đối với cơ quan sinh dục của tôi.
520. Thường thường tôi kiên quyết bảo vệ quan điểm của mình.
521. Khi người ta đề nghị tôi bắt đầu cuộc hội thảo hoặc phát biểu về những vấn đề mà tôi nắm vững, tôi thường mạnh dạn, tự tin.
522. Tôi không sợ nhện.
523. ít khi tôi bị đỏ mặt.
524. Tôi có thể cầm đồ dùng của người khác mà không sợ bị lây bệnh.
525. Một vài động vật làm cho tôi dễ bị kích thích.
526. Tương lai đối với tôi thật là mù mịt.
527. Trong gia đình tôi, mọi người đều hiểu nhau
528. Tôi không đỏ mặt nhiều hơn những người khác.
529. Tôi thích mặc những quần áo đắt tiền.
530. Tôi thường sợ bị đỏ mặt.
531. Mọi người dễ dàng làm tôi thay đổi ý kiến mặc dù ý kiến này trước đó tôi cho rằng đã khẳng định.
532. Tôi cũng là người chịu được đau như những người khác.
533. Tôi ít bị ợ hơi, ợ chua.
534. Đã có trường hợp tôi là người cuối cùng từ chối công việc.
535. Hầu như lúc nào tôi cũng cảm thấy khô miệng.
536. Tôi thường giận dữ khi người khác thúc ép tôi.
537. Tôi thích đi săn hổ.
538. Tôi thích trở thành thợ may quần áo phụ nữ.
539. Tôi không sợ chuột.
540. Chưa khi nào tôi bị liệt mặt.
541. Tôi cho rằng da của tôi rất nhạy cảm với sự đụng chạm.
542. Chưa bao giờ tôi đại tiện ra phân cục đen.
543. Một vài lần trong tuần tôi cảm thấy như có cái gì đó kinh khủng sẽ xảy ra.
544. Phần lớn thời gian tôi cảm thấy mệt mỏi.
545. Đôi khi tôi mơ đi mơ lại một giấc mơ.
546. Tôi thích đọc những cuốn sách viết về lịch sử.
547. Tôi thích đi vũ hội, gặp mặt bạn bè.
548. Tôi tránh xem những phim tình dục.
549. Tôi cố né tránh những cuộc cãi cọ hoặc những tình huống khó xử.
550. Tôi thích chữa khoá.
551. Thỉnh thoảng tôi tin rằng có người khác biết được ý nghĩ của tôi.
552. Tôi thích đọc những cuốn sách về khoa học.
553. Tôi rất sợ đứng ở những chỗ bốn bề trống trải.
554. Nếu là hoạ sỹ, tôi vẽ trẻ em.
555. Thỉnh thoảng tôi có cảm giác không thể kìm mình được nữa.
556. Tôi rất chú ý đến cách ăn mặc của mình.
557. Tôi rất thích công việc của người thư ký riêng.
558. Nhiều người phạm khuyết điểm do tư cách xấu trong quan hệ tình dục.
559. Thường thường tôi rất sợ vào lúc nửa đêm.
560. Tôi rất bực bội khi quên chỗ để các đồ vật.
561. Tôi rất thích cưỡi ngựa.
562. Thủa nhỏ tôi rất quấn quýt với những phụ nữ trong gia đình (mẹ, bà, chị...).
563. Tôi thích những chuyện phiêu lưu hơn những chuyện tình.
564. Tôi dễ dàng từ bỏ những công việc mà mình đang thích làm nhưng theo người khác thì việc đó không đáng để bỏ công sức vào.
565. Khi đứng trên cao tôi muốn nhảy xuống.
566. Tôi rất thích những cảnh tình ái trên phim.

*b. Bảng khoá MMPI*

|  |  |
| --- | --- |
| L(**-**) | 15, 30, 45, 60, 75, 90, 105, 120, 135, 150, 165, 195, 225, 255, 285. |
| F | **+** | 14, 23, 27, 31, 34, 35, 40, 42, 48, 49, 50, 53, 56, 66, 85, 121, 123, 139, 146, 157, 156, 168, 184, 197, 200, 202, 205, 206, 209, 210, 211, 215, 218, 227, 245, 246, 247, 252, 256, 269, 275, 286, 291, 293. |
| **-** | 17, 20, 54, 65, 75, 83, 112, 113, 115, 164, 169, 177, 185, 196, 199, 220, 257, 258, 272, 276. |
| K | **+** | 96 |
| **-** | 30, 39, 71, 89, 124, 129, 134, 138, 142, 148, 160, 170, 171, 180, 183, 217, 234, 267, 272, 296, 316, 322, 374, 383, 397, 398, 406, 461, 502. |
| Hs | **+** | 23, 29, 43, 62, 72, 108, 114, 125, 161, 189, 273. |
| **-** | 2, 3, 7, 9, 18, 51, 55, 63, 68, 103, 130, 153, 155, 163, 175, 188, 190, 192, 230, 243, 274, 281. |
| D | **+** | 5, 13, 23, 32, 41, 43, 52, 67, 86, 104, 130, 138, 142, 158, 159, 182, 189, 193, 136, 259. |
| **-** | 2, 8, 9, 18, 30, 36, 39, 46, 51, 57, 58, 64, 80, 88, 89, 95, 98, 107, 122, 131, 145, 152, 153, 154, 155, 160, 178, 191, 207, 208, 233, 241, 242, 248, 263, 270, 271, 272, 285, 296. |
| Hy | **+** | 10, 23, 32, 43, 44, 47, 76, 114, 179, 186, 189, 238, 253. |
| **-** | 2, 3, 6, 7, 8, 9, 12, 26, 30, 51, 55, 71, 89, 93, 103, 107, 109, 124, 128, 129, 136, 137, 141, 147, 153, 160, 162, 163, 170, 172, 174, 175, 180, 188, 190, 192, 201, 213, 230, 234, 243, 265, 267, 274, 279, 289, 292. |
| Pd | **+** | 16, 21, 24, 32, 33, 35, 38, 42, 61, 67, 84, 94, 102, 106, 110, 118, 127, 215, 216, 224, 239, 244, 245, 284. |
| **-** | 8, 20, 37, 82, 91, 96, 107, 134, 137, 141, 155, 170, 171, 173, 180, 183, 201, 231, 235, 237, 248, 267, 287, 289, 294, 296. |
| Mf | **+** | 4, 25, 69, 70, 74, 77, 78, 87, 92, 126, 132, 134, 140, 149, 179, 187, 203, 204, 217, 226, 231, 239, 261, 278, 282, 295, 297, 299. |
| **-** | 1, 19, 26, 28, 79, 80, 81, 89, 99, 112, 115, 116, 117, 120, 133, 144, 176, 198, 213, 214, 219, 221, 223, 229, 249, 254, 260, 262, 264, 280, 283, 300. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Pa | **+** | 15, 16, 22, 24, 27, 35, 110, 121, 123, 127, 151, 157, 158, 202, 275, 284, 291, 293, 299, 305, 317, 338, 341, 364, 365. |
| **-** | 93, 107, 109, 111, 117, 124, 268, 281, 294, 313, 316, 319, 327, 347, 348. |
| Pt | **+** | 10, 15, 22, 32, 41, 67, 76, 86, 94, 102, 106, 142, 159, 182, 189, 217, 238, 266, 301, 304, 305, 317, 321, 336, 337, 340, 342, 343, 344, 346, 349, 351, 352, 356, 357, 358, 359, 360,361 |
| **-** | 3, 8, 36, 122, 152, 164, 178, 329, 353. |
| Sc | **+** | 15, 16, 21, 22, 24, 32, 33, 35, 38, 40, 41, 47, 52, 76, 97, 104, 121, 156, 157, 159, 168, 179, 182, 194, 202, 210, 212, 238, 241, 251, 259, 266, 273, 282, 291, 297, 301, 303, 305, 307, 312, 320, 324, 325, 332, 334, 335, 339, 341, 345, 349, 350, 352, 354, 355, 356, 360, 363, 364. |
| **-** | 8, 17, 20, 37, 65, 103, 119, 177, 178, 187, 192, 196, 220, 276, 281, 306, 309, 322, 330. |
| Ma | **+** | 11, 13, 21, 22, 59, 64, 73, 97, 100, 109, 127, 134, 143, 156, 147, 167, 181, 194, 212, 222, 226, 228, 232, 233, 238, 240, 250, 251, 263, 266, 268, 271, 277, 279, 298. |
| **\_** | 101, 105, 111, 119, 120, 148, 166, 171, 180, 267, 289 |
| Si | **+** | 32, 67, 82, 111, 117, 124, 138, 147, 171, 172, 180, 201, 236, 267, 278, 292, 304, 316, 321, 332, 336, 342, 257, 377, 383, 398, 411, 427, 436, 455, 473, 487, 549, 564. |
| - | 25, 33, 57, 91, 99, 119, 126, 143, 193, 208, 229, 231, 254, 262, 281, 296, 309, 353, 359, 371, 391, 400, 415, 440, 446, 449, 450, 451, 462, 469, 479, 481, 482, 505, 521, 547. |

*c.Thiết đồ nhân cách*

(Xem trang 174, 175)

**2. Dụng cụ cần thiết:**

Giấy, bút mực.

*Thiết đồ nhân cách (Nữ)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| T | ? | L | F | K | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 0 | K | .5 | .4 | .2 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 120−Nữ−−−−110−−−−−100−−−−−90−−−−−80−−−−−70−−−−−60−−−−−50−−−−−40−−−−−30−−−−−20− | 130−120−110−100− 90− 80− 70− 60− 50− 40−30− | 10−−−−−5−−−−−0− −  | 15− − − − −10− − − − −5 − − − − − 0 − | 30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−−−5−−−−−0− | −−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−−−5−−−−−0− | 45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−15−−−−−10−−−−−5− | −−− 50−−−−−45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−− | −45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−− | 15−−−−−20−−−−−25−−−−−30−−−−−35−−−−−40−−−−−45−−−−−50− | 30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−−−5−−−−−0− | 60−−−−−55−−−−−50−−−−−45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10− | 65−−−−−60−−−−−55−−−−−50−−−−−45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−−5− | 40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−−−5− | 70−−−−−60−−−−−50−−−−−40−−−−−30−−−−−20−−−−−10−−−−−5−−− | 3029282726252423222120191817161514131211109876543210 | 1515141413131212111110109988776655443322110 | 12121111101010998887766655444332222110 | 6665555444443333322222111110000 |

 T ? L F K Hs D Hy Pd Mf Pa Pt Sc Ma Si

 − − − − − − − − − − − − −

 K .5K .4K 1K 1K .2K

+K − − − − −

Ts − − − − − − − − − − − − − −

*Thiết đồ nhân cách (Nam)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  T |  ? |  L |  F |  K |  1 |  2 |  3 |  4 |  5 |  6 |  7 |  8 |  9 |  0 |  K |  .5 |  .4 |  .2 |
|  |
| 120−NAM−−−−110−−−−−100−−−−−90−−−−−80−−−−−70−−−−−60−−−−−50−−−−−40−−−−−30−−−−−20− |  130−120−110−100− 90− 80− 70− 60− 50− 40− |   − −10− − − − − 5− − − − − 0−  | 15− − − − −10− − − − −5 − − − − − 0 − | 30− −−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−−−5−−−−−0− |  −−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−−−5−−−−−0− | 45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−15−−−−−10−−− | −−− 50−−−−−45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−− | −45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−− | 50−−−−−45−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−− | 30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−−−5−−−−−0− | 55−−−−−50−−−−−45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10− | −−−55−−−−−50−−−−45−−−−−40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−−15−−−−−10−− | 40−−−−−35−−−−−30−−−−−25−−−−−20−−−−−15−−−−−10−−−−−5−−−−−−0− | 70−−−−−60−−−−−50−−−−−40−−−−−30−−−−−20−−−−−10−−−−−5−−− | 3029282726252423222120191817161514131211109876543210 | 1515141413131212111110109988776655443322110 | 12121111101010998887766655444332222110 | 6665555444443333322222111110000 |

 T ? L F K Hs D Hy Pd Mf Pa Pt Sc Ma Si

 − − − − − − − − − − − − −

 K .5K .4K 1K 1K .2K

 +K − − − − −

 Ts − − − − − − − − − − − − − −

F – k = 11+\_